

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Công nghệ sinh học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Tô Thị Mai Hương

2. Ngày tháng năm sinh: 28/09/1983; Nam ☐ ; Nữ ☒ ; ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 601, Tòa A2, Chung cư An Bình City, Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện):

Số nhà 601, Tòa A2, Chung cư An Bình City, Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0989810066

E-mail: to-thi-mai.huong@usth.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Công việc, cơ quan công tác
Từ tháng 06/2011 đến tháng 06/2012	Nghiên cứu sau tiến sĩ (Postdoc), tại Viện nghiên cứu khoa học quốc gia Pháp (CNRS), UMR 6022.
Từ tháng 01/2013 đến tháng 07/2013	Trợ lý kỹ thuật, tại Phòng Thí nghiệm hợp tác chung Việt Pháp LMI-RICE, Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội
Từ tháng 07/2013 đến tháng 01/2014	Kỹ sư nghiên cứu, tại Phòng Thí nghiệm hợp tác chung Việt Pháp LMI-RICE, Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội
Từ tháng 01/2014 đến tháng 03/2016	Nghiên cứu viên, Phòng Thí nghiệm hợp tác chung Việt Pháp LMI-RICE, Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội
Từ tháng 03/2016 đến tháng 10/2022	Giảng viên, Khoa Công nghệ sinh học Nông Y Dược, Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội
Từ tháng 11/2022 đến nay	Giảng viên, Khoa Khoa học sự sống; Phó Trưởng ban Nghiên cứu, Đổi mới và Chuyển giao công nghệ, Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng ban Nghiên cứu, Đổi mới và Chuyển giao công nghệ, Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH);

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng ban Nghiên cứu, Đổi mới và Chuyển giao công nghệ, Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Tòa A21, Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: +84-24 37 91 69 60

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Học viện Khoa học và Công nghệ (GUST)

8. Đã nghỉ hưu: chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại Học ngày 10 tháng 7 năm 2006; số văn bằng: C730882; ngành: Công nghệ Thực phẩm; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc Sĩ ngày 10 tháng 3 năm 2008; số văn bằng: DIJON 6663984; ngành: Chất lượng Thực phẩm; Chuyên ngành: Khoa học Thực phẩm; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Dijon, Cộng hòa Pháp.

- Được cấp bằng Tiến Sĩ ngày 30 tháng 03 năm 2011; số văn bằng: DIJON 7817367; ngành: Khoa học Thực phẩm; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Dijon, Cộng hòa Pháp.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại Học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH).

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh : Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- HNC1: Nghiên cứu tương quan toàn hệ gen (GWAS) trên lúa nhằm xác định các QTL/gen liên kết với tính trạng

- HNC2: Nghiên cứu chức năng gen và cơ chế tương tác giữa sinh vật và môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): **04** HVCH (trong đó **02** hướng dẫn chính và **02** hướng dẫn phụ) bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **01** đề tài nghiên cứu cơ bản cấp bộ do Quỹ NAFOSTED tài trợ; **01** đề tài cấp bộ do Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tài trợ và **01** đề tài cấp cơ sở do Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội tài trợ;

- Đã công bố **32** bài báo khoa học, trong đó **16** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản **01** chương sách thuộc nhà xuất bản có uy tín trên thế giới (Springer Nature).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Hình thức khen thưởng/ Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2017	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	448/QĐ-ĐHKHCN ngày 29/12/2017,
2019	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	850/ QĐ-ĐHKHCN ngày 05/12/2019
2020	Giấy khen Hiệu trưởng, ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	663/QĐ-ĐHKHCN ngày 02/12/2020
2021	Giấy khen Hiệu trưởng, ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	924/QĐ-ĐHKHCN ngày 02/12/2021
2022	Giấy khen Hiệu trưởng, ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	1237/ QĐ-ĐHKHCN ngày 5/12/2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đủ tiêu chuẩn.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **08** năm **04** tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019					168	20	188/368/270
2	2019-2020			1		199	32	231/463.3/270
3	2020-2021				1	160	12	172/423.6/192
03 năm học cuối								
4	2021-2022				4	204	30	234/624.2/192
5	2022-2023			1	2	130	18	148/434.9/57.6
6	2023-2024					93	51	144/354.6/57.6

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp và Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ ; tại nước: Cộng hòa Pháp, năm 2008

- Bảo vệ luận án TS ☒ ; tại nước: Cộng hòa Pháp, năm 2011

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

- + Bằng tiếng Pháp cơ bản (DELF) cấp độ 1 (A1 tới A4) (số bằng: 084004-200405A-406192) do Bộ giáo dục Quốc gia Pháp cấp năm 2005.
- + Bằng tiếng Pháp cơ bản (DELF) cấp độ 2 (A5-A6) (số bằng: 084004-200411A-406332) do Bộ giáo dục Quốc gia Pháp cấp năm 2005.
- + Chứng chỉ tiếng Pháp chuyên sâu (DALF) B1
- + Chứng chỉ tiếng Pháp chuyên sâu (DALF) B4

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng tiếng Anh bậc Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ ngành Công nghệ Sinh học Nông-Y-Dược

- Nơi giảng dạy: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội

d) Đối tượng khác ☒ ; Diễn giải: Chứng chỉ Pháp ngữ, cấp bởi Tổ chức Đại học Cộng đồng Pháp ngữ (AUF)

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 6.0 (28/12/2017)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Thị Thùy Dương		HVCH	X		2018- 2020	Học viện Khoa học và Công nghệ	Số bằng: GUST/Ths 148 ký ngày 28/09/2020
2	Nguyễn Thị Linh		HVCH	X		2021-2023	Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Số bằng: 201001202100010 ký ngày 22/11/2023
3	Lý Khánh Linh		HVCH		X	2019-2021	Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Số bằng: 201001201900004 ký ngày 24/11/ 2021
4	Đinh Anh Đức		HVCH		X	2020-2022	Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Số bằng: 201004202000001 ký ngày 06/12/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Sau khi được công nhận TS						
1	Jasmonate in Plant Biology: Methods and protocols Chương 15: CRISPR/Cas9-mediated gene editing of the jasmonate biosynthesis <i>OsAOC</i> gene in rice	TK	Humana Press (Springer Nature) 978-1-0716-0141-9 (2019)	6	Antony Champion, Laurent Laplaze	Biên soạn chương 15, từ trang 199-209	QĐ 728/QĐ-ĐHKHCN ngày 20/7/2022 về việc phê duyệt Giáo trình đưa vào giảng dạy và học tập tại trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội .

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 0

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				

1	Phát hiện các QTLs liên quan đến độ mẫn cảm với Jasmonic acid, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và khả năng chống chịu stress của cây lúa bằng phương pháp nghiên cứu liên kết toàn hệ gene	CN	106-NN.03-2016.15 Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED)	36 tháng	QĐ 10/QĐ-HĐQL-NAFOSTED / ngày 05 tháng 02 năm 2021 - Đạt
2	Nghiên cứu chức năng gen ứng viên kiểm soát sự phát triển bộ rễ chùm của cây lúa trong điều kiện stress bằng công nghệ CRISPR/Cas9	CN	VAST02.05/22-23 Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	24 tháng	QĐ 26/QĐ-VHL 15/1/2024 - Loại A (Xuất sắc)
3	Phát hiện các gene thực vật mới tham gia vào quá trình tương tác với stress của cây lúa	CNĐT phía Việt Nam	JA/USTH Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	7 tháng	QĐ 69/QĐ-ĐHKHCN ngày 09 tháng 3 năm 2018 - Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
II	Sau khi được công nhận TS							

Bài báo khoa học quốc tế uy tín								
1	Cyclopropanation of membrane unsaturated fatty acids is not essential to the acid stress response of <i>Lactococcus lactis</i> subsp. <i>cremoris</i>	3	TG đầu	Applied and Environmental Microbiology	SCIE Q1 IF: 3.9	53	77(10): 3327–3334	05/2011
2	Genes controlling root development in rice	9		Rice	SCIE Q1, IF: 4.8	87	7 (30)	2014
3	Cyclopropane fatty acid synthase from <i>Oenococcus oeni</i> : expression in <i>Lactococcus lactis</i> subsp. <i>cremoris</i> and biochemical characterization	4	TG đầu	Archives of microbiology	SCIE Q2 IF: 2.3	9	197(9):1063–1074	2015
4	Jasmonates—the master regulator of rice development, adaptation and defense	5		Plants	SCIE Q1, IF: 4.0	46	8(9):339	2019
5	Unraveling the genetic elements involved in shoot and root growth regulation by jasmonate in rice using a genome-wide association study	11	TG đầu + TGLH	Rice	SCIE Q1, IF: 4.8	39	12(1):69	2019
6	A genome-wide association study reveals the quantitative trait locus and candidate genes that regulate phosphate efficiency in a Vietnamese rice collection	8	TG đầu	Physiology and Molecular Biology of Plants	SCIE Q1, IF: 3.4	14	26(11):2267–2281	2020
7	Discovery of new genetic determinants of morphological plasticity in rice roots and shoots under phosphate starvation using GWAS	7	TGLH	Journal of Plant Physiology	SCIE Q1, IF: 4.0	21	257: 153340	2021
8	CROWN ROOTLESS1 binds DNA with a relaxed specificity and activates <i>OsROP</i> and <i>OsbHLH044</i> genes involved in crown root formation in rice	22		The Plant Journal	SCIE Q1 IF: 6.2	7	111(2):546–566	2022

9	The Germin-like protein OsGER4 is involved in promoting crown root development under exogenous jasmonic acid treatment in rice	8	TG đầu + TGLH	The Plant Journal	SCIE Q1 IF: 6.2	6	112(3):860- 874	2022
10	The Germin-like protein gene OsGER4 is involved in heat stress response in rice root development	5	TGLH	Functional & Integrative Genomics	SCIE Q2 IF 3.9		23(3):271	2023
11	Phosphate starvation enhances <i>Xanthomonas oryzae</i> pv. <i>oryzae</i> resistance in rice	4	TG đầu	Biologia plantarum	SCIE Q2 IF 0.8	1	67: 262-270	2023
12	Genome-wide association study reveals useful QTL and genes controlling the fatty acid composition in rice bran oil using Vietnamese rice landraces	4	TGLH	Functional & Integrative Genomics	SCIE Q2 IF 3.9	1	23(2):150	2023
13	Systemic adaptation of rice plants under low phosphate conditions and interaction with endophytic bacteria	5		Italian Journal of Agronomy	SCIE Q2 IF 2.6		18(1):2181	2023
14	Disrupting Sc-uORFs of a transcription factor bZIP1 using CRISPR/Cas9 enhances sugar and amino acid contents in tomato (<i>Solanum lycopersicum</i>)	12		Planta	SCIE Q1 IF 3.6	7	257(3):57	2023
15	Effect of gibberellin on crown root development in the mutant of the rice plasmodesmal Germin-like protein OsGER4	4	TGLH	Functional & Integrative Genomics	SCIE Q2 IF 3.9		24(2):59	2024
16	The Plasmodesmal Protein OsGER4 is Involved in Auxin Mediated Crown Root Development in Rice	9	TGLH	Journal of Plant Biology	SCIE Q1 IF 2.2	1	67(3):221- 230	2024
Bài báo trong nước								

17	Physiological and molecular comparative analysis of two contrasting rice varieties under jasmonic acid treatment	11	TG đầu + TGLH	Vietnam Journal of Biotechnology			17(4): 701- 710	2019
18	Identification and evaluation of enzymes gelatinase, amylase, and catalase produced by rice root endophytic bacteria isolated from Hai Duong with antimicrobial properties against <i>Xanthomonas Oryzae Pv. oryzae</i>	11		Academia Journal of Biology	2		43(2), 107– 117	2021
19	Phân tích liên kết toàn hệ gen về khả năng hấp thụ phosphate trong điều kiện tự nhiên ở các giống lúa bản địa của Việt Nam	4	TGLH	Tạp chí Công nghệ Sinh học			19(4): 677- 686	2021
20	Agarose-paraffin double embedding assisted with 3D printing for high throughput rice root sectioning	7	TGLH	Vietnam Journal of Biotechnology			20(1): 45-51	2022
21	Biochemical and molecular adaptation of rice plants towards low phosphate condition	3	TG Đầu	Academia Journal of Biology			44(3): 47–56	2022
22	Investigating the diversity of resistant starch in Vietnamese rice collection	5	TG đầu	Vietnam Journal of Science, Technology and engineering			65(2).59-64	2022
23	Natural variation in fatty acid composition of diverse vietnamese rice germplasm	6	TGLH	Vietnam Journal of Biotechnology			21(1): 141- 153	2023
24	Ảnh hưởng của Tween 80 đến sự tích lũy lipid, thành phần axit béo và hàm lượng axit amin tự do của tảo <i>Chlorella vulgaris</i>	3	TG đầu + TGLH	Tạp chí nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Tập 2 : 181- 187	6/2023
25	Antioxidant activities and free amino acid content of rice responded to <i>Xanthomonas</i>	2	TG Đầu	Vietnam Journal of Biotechnology			21(1): 129- 139	2023

	<i>oryzae</i> pv <i>oryzae</i> infection under Phosphate starvation condition						
26	Khảo sát ảnh hưởng của Tween 80 đến giá trị dinh dưỡng của tảo xoắn (<i>Spirulina platensis</i>)	3	TGLH	Tạp chí nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tập 2, 174-180	6/2023
27	Genome-wide association studies for identification of genes and QTLs controlling the palmitic acid content in rice bran oil	3	TGLH	Vietnam Journal of Biotechnology		21(2): 337-345	2023
28	Rice grain trait estimation using color space conversion and deep learning-based image segmentation	3		TNU Journal of Science and Technology		229(07): 133 - 140	2024
Kỷ yếu toàn văn hội nghị							
29	Identification of the genetic control of number of crown roots at the early developmental stage in rice	6	TGLH	Hội nghị CNSHTQ 2018. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. (ISBN: 978-604-913-759-4)		p1398-1404	2018
30	Sàng lọc <i>in vitro</i> vi khuẩn nội sinh rễ lúa nước có khả năng kích thích sinh trưởng và kháng nấm đạo ôn <i>Magnaporthe Oryzae</i>	6		Hội nghị CNSHTQ 2020. NXB Đại học Huế (ISBN: 978-604-974-562-1)		p568-574	2020
31	Nghiên cứu lựa chọn điều kiện nuôi trồng thích hợp cho sinh trưởng của vi tảo lục <i>Chlorella sorokiniana</i> ứng dụng trong sản xuất nhiên liệu sinh học	8		Hội nghị CNSHTQ 2023. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. (ISBN: 978-604-357-176-9)		p632-637	2023
32	Nghiên cứu làm sạch và lựa chọn điều kiện môi trường nuôi thích hợp cho chủng vi khuẩn	9		Hội nghị khoa học CNSHTQ 2023. NXB		p625-631	2023

lam biển <i>Arthrospira sp. SC</i> được phân lập ở vùng biển quần đảo Trường Sa, Việt Nam			Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. (ISBN: 978-604-357- 176-9)				
---	--	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: **11** (số thứ tự: 1, 3, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 15, 16) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: 0

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 02 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 02 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 11 CTKH ☒

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Tô Thị Mai Hương